

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

MÃ NGÀNH: 7210403

(Ban hành kèm theo Quyết định số 9.15./QĐ-NTT ngày 03 tháng 08 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Graphic Design

+ Tên tiếng Việt: Thiết kế đồ họa

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khoá học áp dụng: từ khóa 2021

Thời gian đào tạo (dự kiến): 3,5 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Bằng Cử nhân ngành Thiết kế đồ họa

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Graphic Design

Đơn vị đào tạo

+ Khoa: Kiến trúc - Xây dựng – Mỹ thuật ứng dụng

+ Địa chỉ văn phòng: 331 Quốc lộ 1A, phường An Phú Đông, quận 12, TPHCM

+ Điện thoại liên lạc: 028-62-5656-90/91/92/93 – số máy lẻ: 222

2. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2021 theo tổ hợp môn.
- Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:

- Tổng ĐTB 1 HK lớp 10+ ĐTB 1 HK lớp 11+ ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên
(được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)
- Tổng ĐTB 5 HK: ĐTB_HK1 lớp 10+ ĐTB_HK2 lớp 10+ ĐTB_HK1 lớp 11+ ĐTB_HK2 lớp 11+ ĐTB_HK1 lớp 12 đạt từ 30 trở lên.
- Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
- Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.
- Phương thức 3: Xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM từ 550 điểm trở lên.
- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

Riêng với điều kiện xét tuyển các ngành sức khỏe áp dụng theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT.

3. Các điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 882/QĐ-NTT ngày 29/07/2021 về việc công bố chuẩn đầu ra trình độ đại học đối với các ngành đào tạo của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

4. Thang điểm

- Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10
- Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây:
 - + Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:
 - A: từ 8,5 đến 10,0;
 - B: từ 7,0 đến 8,4;
 - C: từ 5,5 đến 6,9;
 - D: từ 4,0 đến 5,4.
 - + Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt,

không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

+ Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

- Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

A quy đổi thành 4;

B quy đổi thành 3;

C quy đổi thành 2;

D quy đổi thành 1;

F quy đổi thành 0.

- Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

II. NĂNG LỰC CẦN ĐẠT CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP, MỤC TIÊU VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Các năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes – Gas)

GA1: Khả năng vẽ thiết kế trang trí mỹ thuật.

GA2: Khả năng ứng dụng khoa học công nghệ và kỹ thuật số vào ngành thiết kế đồ họa.

GA3: Năng lực nghiên cứu, khảo sát thị trường sản phẩm đồ họa ứng dụng.

GA4: Khả năng lý luận chuyên ngành thiết kế đồ họa.

GA5: Khả năng thiết kế trang trí mỹ thuật ứng dụng, thiết kế minh họa, thiết kế xây dựng thương hiệu, thiết kế sản phẩm, thiết kế in ấn, thiết kế quảng cáo.

GA6: Khả năng quản lý, giám sát dự án thiết kế đồ họa, dự án truyền thông quảng cáo.

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình (Programme Educational Objectives – PEOs)

- PEO1: Người thiết kế có hiểu biết cơ bản và bao quát về thể chế chính trị – xã hội và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, có sức khỏe tốt, có nhận thức đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với an ninh quốc phòng và sẵn sàng bảo vệ tổ quốc.
- PEO2: Người thiết kế có kiến thức về khoa học cơ bản, có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành TKĐH, và hiểu biết rõ ràng về mối liên hệ hỗ trợ giữa các khối kiến thức này.
- PEO3: Người thiết kế biết sử dụng máy tính, các công cụ kỹ thuật số, mạng internet và ngoại ngữ vào công việc; có kỹ năng giao tiếp hiệu quả; có kỹ năng nghiên cứu, khảo sát thị trường sản phẩm đồ họa ứng dụng.
- PEO4: Người thiết kế có năng lực thiết kế đồ họa xây dựng thương hiệu, sản phẩm; thiết kế quảng cáo; thiết kế in ấn; có năng lực quản lý, giám sát dự án thiết kế đồ họa, dự án truyền thông quảng cáo; có khả năng làm việc trong các nhóm đa ngành.
- PEO5: Người thiết kế có khả năng học tập, nâng cao trình độ, theo đuổi việc học suốt đời để làm việc hiệu quả trong bối cảnh công nghệ mới liên tục xuất hiện và thay đổi.

3. Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program learning outcomes - ELOs)

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Thiết kế đồ họa có:

Kiến thức

ELO1 (K1): Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề.

ELO2 (K2): Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin và kỹ thuật số trong học tập và ứng dụng thực tế ngành TKĐH.

ELO3 (K3): Vận dụng được kiến thức chuyên ngành TKĐH trong nghiên cứu, khảo sát thị trường và trong công tác nghiên cứu, kiểm tra chất lượng mẫu mã, thành phẩm trong quy trình in ấn sản xuất.

ELO4 (K4): Vận dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành TKĐH tư duy ý tưởng sáng tạo trong lĩnh vực chuyên môn; trong tư vấn, giám sát dự án thiết kế xây dựng thương hiệu, quảng cáo sản phẩm.

ELO5 (K5): Thiết kế trang trí mỹ thuật ứng dụng; thiết kế minh họa; thiết kế xây dựng thương hiệu; thiết kế sản phẩm; thiết kế in ấn; thiết kế quảng cáo.

Kỹ năng

ELO6 (S1): Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.

ELO7 (S2): Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau.

ELO8 (S3): Vẽ mỹ thuật và vẽ kỹ thuật số bản thiết kế đồ họa ứng dụng đúng tiêu chuẩn chất lượng, đưa ra giải pháp, lựa chọn tối ưu trong thiết kế đồ họa in ấn, sản xuất thành phẩm.

ELO9 (S4): Thiết kế sáng tạo có tính thẩm mỹ ứng dụng phù hợp nhu cầu thiết kế thực tế và tổ chức thi công thiết kế đồ họa ứng dụng.

Thái độ

ELO10 (A1): Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.

ELO11 (A2): Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.

ELO12 (A3): Đam mê nghề nghiệp, tôn trọng và hỗ trợ đồng nghiệp. Tinh thần phát triển chuyên ngành và nghiên cứu khoa học.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (Program ideas)

Chương trình học mong muốn đào tạo ra người cử nhân Thiết kế đồ họa định hướng thực hành, nắm vững kiến thức nền tảng về lĩnh vực thiết kế đồ họa, thực hiện công việc của nhà thiết kế đồ họa (Graphic Designer), làm công việc như nhà thiết kế quảng cáo (Advertising Designer); Có khả năng thiết kế, giám sát, thi công và quản lý dự án thiết kế đồ họa ứng dụng; Có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội, có đầy đủ các phẩm chất cần thiết đối với người làm việc trong ngành thiết kế đồ họa ứng dụng. Theo các yếu tố nền tảng chính sau:

- Hệ thống kiến thức bao gồm: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành;
- Quy trình thực hành: Rèn luyện kỹ năng qua các đề án thiết kế đồ họa ứng dụng thực tiễn, theo quá trình từ thấp đến cao từ ý tưởng, phác thảo đến thiết kế trên máy tính, hoàn thiện in ấn sản phẩm;
- Quá trình học tập và thực hành tương tác thực tiễn: Các kiến thức chuyên ngành kết hợp tìm hiểu, nghiên cứu từ các khảo sát thực tế qua các chuyên đề

văn hoá, xã hội, con người và các nhu cầu thực tế trong cuộc sống hiện đại. Hiểu rõ được mục tiêu của việc học, hình thành sự đam mê học hỏi cho sinh viên và tinh thần phát triển chuyên ngành, nghiên cứu khoa học; Có sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực tuân thủ pháp luật.

2. Mối liên hệ của các học phân/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/HỌC PHẦN/MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
GA1: Khả năng vẽ thiết kế trang trí mỹ thuật.	Nhập môn thiết kế đồ họa (2 tín chỉ)	16	44	29.3%
	Hình họa 1 (3 tín chỉ)			
	Hình họa 2 (3 tín chỉ)			
	Hình họa 3 (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình mỹ thuật (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình đồ họa 1 (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình đồ họa 2 (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật Hội họa (2 tín chỉ)			
	Mỹ Thuật học (2 tín chỉ)			
	Nghệ thuật chữ 1 (căn bản) (2 tín chỉ)			
	Nhiếp ảnh (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 1 (AI) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 4 (Digital painting) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 5 (Indesign) (3 tín chỉ)			
GA2: Khả năng ứng dụng khoa học	Tin học chuyên ngành 1 (AI) (3 tín chỉ)	9	25	16.7%
	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao) (3 tín chỉ)			

công nghệ và kỹ thuật số vào ngành thiết kế đồ họa.	Tin học chuyên ngành 4 (Digital painting) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 5 (In Design) (3 tín chỉ)			
	Thiết kế giao diện Web (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật in chuyên ngành (2 tín chỉ)			
	Nhiếp ảnh (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật đồ họa (2 tín chỉ)			
GA3: Năng lực nghiên cứu, khảo sát thị trường sản phẩm đồ họa ứng dụng.	Marketing và thương hiệu (2 tín chỉ)	12	32	21.3%
	Thiết kế thương hiệu – Brand (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm (3 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 tín chỉ)			
	Ý tưởng thiết kế (3 tín chỉ)			
	Nguyên lý thiết kế Đồ Họa (3 tín chỉ)			
	Nghệ thuật minh họa (3 tín chỉ)			
	Thiết kế Logo (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP) (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng (3 tín chỉ)			
	Mỹ Thuật học (2 tín chỉ)			
GA4: Khả năng lý luận chuyên ngành thiết kế đồ họa.	Mỹ Thuật học (2 tín chỉ)	16	40	26.7%
	Ý tưởng thiết kế (3 tín chỉ)			
	Nguyên lý thiết kế Đồ Họa (3 tín chỉ)			
	Nghệ thuật minh họa (3 tín chỉ)			
	Thiết kế Logo (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP) (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng (3 tín chỉ)			
	Marketing và thương hiệu (2 tín chỉ)			
	Thiết kế thương hiệu – Brand (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm (3 tín			

	chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 tín chỉ)			
	Thiết kế Poster 1 (2 tín chỉ)			
	Thiết kế Poster 2 (2 tín chỉ)			
	Nghệ thuật chữ 1 (căn bản) (2 tín chỉ)			
	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao) (2 tín chỉ)			
GA5: Khả năng thiết kế trang trí mỹ thuật ứng dụng, thiết kế minh họa, thiết kế xây dựng thương hiệu, thiết kế sản phẩm, thiết kế in ấn, thiết kế quảng cáo.	Hình họa 1 (3 tín chỉ)	39	99	66%
	Hình họa 2 (3 tín chỉ)			
	Hình họa 3 (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình mỹ thuật (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình đồ họa 1 (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình đồ họa 2 (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật Hội họa (2 tín chỉ)			
	Mỹ Thuật học (2 tín chỉ)			
	Nghệ thuật chữ 1 (căn bản) (2 tín chỉ)			
	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao) (2 tín chỉ)			
	Nghệ thuật minh họa (3 tín chỉ)			
	Ý tưởng thiết kế (3 tín chỉ)			
	Marketing và thương hiệu (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 tín chỉ)			
	Thiết kế và minh họa sách (3 tín chỉ)			
	Thiết kế Poster 1 (2 tín chỉ)			
	Thiết kế Poster 2 (2 tín chỉ)			
	Thiết kế linh vật – Mascot (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa Báo và tạp chí (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng (3 tín chỉ)			
	Thiết kế Lịch và Thiệp (2 tín chỉ)			
	Thiết kế Logo (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP) (3 tín chỉ)			
	Hồ sơ năng lực thiết kế (2 tín chỉ)			
	Thiết kế thương hiệu – Brand (3 tín chỉ)			
	Minh họa phân cảnh quảng cáo (2 tín			

	chỉ)			
	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm (3 tín chỉ)			
	Thiết kế Catalogue và Brochure (2 tín chỉ)			
	Thiết kế tranh cổ động và tuyên truyền (2 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 1 (AI) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 4 (Digital painting) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 5 (In Design) (3 tín chỉ)			
	Thiết kế giao diện Web (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật in chuyên ngành (2 tín chỉ)			
	Nhiếp ảnh (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật đồ họa (2 tín chỉ)			
	Hồ sơ năng lực thiết kế (2 tín chỉ)			
GA6: Khả năng quản lý, giám sát dự án thiết kế đồ họa, dự án truyền thông quảng cáo.	Ý tưởng thiết kế (3 tín chỉ)	14	42	28%
	Marketing và thương hiệu (2 tín chỉ)			
	Thiết kế thương hiệu – Brand (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật đồ họa (2 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng (3 tín chỉ)			
	Mỹ Thuật học (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 tín chỉ)			
	Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP) (3 tín chỉ)			
	Đề cương tốt nghiệp (2 tín chỉ)			
	Đồ án tốt nghiệp (8 tín chỉ)			

3. Tóm tắt khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 150 tín chỉ (Không bao gồm GDTC, GDQP)

Trong đó:

- Kiến thức đại cương:	33 tín chỉ	Tỉ lệ: 22%
- Kiến thức chuyên nghiệp:	104 tín chỉ	Tỉ lệ: 69.3%
+ Kiến thức cơ sở ngành:	29 tín chỉ	Tỉ lệ: 19.3%
+ Kiến thức chuyên ngành:	75 tín chỉ	Tỉ lệ: 50%
- Thực tập:	5 tín chỉ	Tỉ lệ: 3,4%
- Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp:	8 tín chỉ	Tỉ lệ: 5,3%

4. Khung chương trình đào tạo

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiên quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		33	435	150		
Bắt buộc			31	405	150		
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	45	0		Elearning
2	075581	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	075580(a)	Elearning
3	075582	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	075581(a)	Elearning
4	075583	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	075582(a)	Elearning
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	075583(a)	Elearning
6	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0		Lý thuyết
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	77	72		LT kết hợp TH
8	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	15	90		LT kết hợp TH
9	073499	Tiếng Anh tổng quát 1	3	30	30		LT kết hợp TH
10	073500	Tiếng Anh tổng quát 2	3	30	30	073499(a)	LT kết hợp TH
11	073501	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1	3	30	30	073500(a)	LT kết hợp TH
12	073502	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2	3	30	30	073501(a)	LT kết hợp TH

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiền quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
13	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0		Lý thuyết
14	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	30	0	070006(a)	Lý thuyết
15	073513	Khởi nghiệp	2	30	30		Lý thuyết
Tự chọn			2	30	0		
16	071950	Mỹ Thuật học	2	30	0		Lý thuyết
17	071350	Logic học	2	30	0		Lý thuyết
18	070796	Tư duy sáng tạo	2	30	0		Lý thuyết
19	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0		Lý thuyết
20	070669	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0		Lý thuyết
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		104	540	2040		
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		29	180	510		
Bắt buộc:			29	180	510		
21	073470	Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa	2	15	30		LT kết hợp TH
22	070534	Hình họa 1	3	15	60		LT kết hợp TH
23	071943	Hình họa 2	3	15	60	070534(a)	LT kết hợp TH
24	071945	Hình họa 3	3	15	60	071943 (a)	LT kết hợp TH
25	075931	Cơ sở tạo hình mỹ thuật	3	15	60		LT kết hợp TH
26	076101	Cơ sở tạo hình đồ họa 1	3	15	60		LT kết hợp TH
27	076102	Cơ sở tạo hình đồ họa 2	3	15	60	076101 (a)	LT kết hợp TH
28	070544	Nguyên lý thiết kế Đồ Họa	3	15	60		hợp TH
29	071946	Kỹ thuật Hội họa - Thực tế	2	0	60	071943 (a)	Thực hành
30	074106	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	30	0		hợp TH

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiền quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
31	074107	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	30	0	074106 (a)	LT kết hợp TH
II.2	Kiến thức chuyên ngành		75	360	1530		
	Bắt buộc:		73	360	1470		
30	070548	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	3	15	60		LT kết hợp TH
31	070549	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản)	3	15	60		LT kết hợp TH
32	070550	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao)	3	15	60	070549 (a)	LT kết hợp TH
33	076144	Tin học chuyên ngành 4 (Digital painting)	3	15	60	070549 (a)	LT kết hợp TH
34	073848	Tin học chuyên ngành 5 (In Design)	3	15	60	070549 (a)	LT kết hợp TH
35	076103	Kỹ thuật in chuyên ngành	2	15	30	074106 (a)	
36	076104	Nhiếp ảnh	3	15	60		LT kết hợp TH
37	076105	Nghệ thuật chữ 1 (căn bản)	2	15	30	070548 (a)	LT kết hợp TH
38	076106	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao)	2	15	30	076105 (a)	LT kết hợp TH
39	070563	Ý tưởng thiết kế	3	15	60		
40	076107	Nghệ thuật minh họa	3	15	60		
41	070561	Thiết kế và minh họa sách	3	15	60		LT kết hợp TH
42	076108	Thiết kế Lịch và Thiệp	2	0	60		LT kết hợp TH
43	073054	Marketing và thương hiệu	2	15	30		LT kết hợp TH
44	076109	Thiết kế linh vật - Mascot	3	15	60		
45	071093	Thiết kế Logo	3	15	60	076101 (a)	LT kết hợp TH

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiền quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
46	076178	Thiết kế Poster 1	2	0	60	070549 (a)	LT kết hợp TH
47	076179	Thiết kế Poster 2	2	0	60	076178 (a)	LT kết hợp TH
48	076112	Thiết kế Catalogue và Brochure	2	0	60	070548 (a) 070549 (a)	Thực hành
49	070566	Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng	3	15	60	070548 (a) 070549 (a)	LT kết hợp TH
50	076113	Thiết kế thương hiệu - Brand	3	30	30	070548 (a) 070549 (a)	LT kết hợp TH
51	073850	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm	3	15	60	070548 (a) 070549 (a)	LT kết hợp TH
52	070559	Thiết kế giao diện Web	3	15	60	070548 (a) 070549 (a)	LT kết hợp TH
53	076114	Minh họa phân cảnh quảng cáo	2	0	60	070561(a)	Thực hành
54	073058	Thiết kế đồ họa Báo và tạp chí	3	15	60	073848 (a)	LT kết hợp TH
55	074110	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP)	3	15	60	071093 (a) 073054 (a)	LT kết hợp TH
56	073851	Hồ sơ năng lực thiết kế	2	15	30		LT kết hợp TH
57	074111	Đề cương tốt nghiệp	2	15	30		LT kết hợp TH
Tự chọn			2	0	60		
58	075151	Thiết kế tranh cổ động và tuyên truyền	2	0	60		Thực hành
59	071949	Kỹ thuật đồ họa	2	0	60		Thực hành
III	THỰC TẬP, ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP		13	0	390		
62	071094	Thực tập tốt nghiệp	5	0	150		Thực hành

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiên quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
63	074112	Đồ án tốt nghiệp	8	0	240		Thực hành

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	Môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1			16	
1	073470	Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa	2	
2	073499	Tiếng Anh tổng quát 1	3	
3	070534	Hình họa 1	3	
4	075931	Cơ sở tạo hình mỹ thuật	3	
5	070548	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	3	
6	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	
Tự chọn			2	
1	071950	Mỹ Thuật học	2	
2	071350	Logic học	2	
3	070796	Tư duy sáng tạo	2	
4	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
5	070669	Lịch sử văn minh thế giới	2	
HỌC KỲ 2			18	
1	075580	Triết học Mác – Lênin	3	
2	075581	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	075580 (a)
3	073500	Tiếng Anh tổng quát 2	3	073499 (a)
4	071943	Hình họa 2	3	070534 (a)
5	076101	Cơ sở tạo hình đồ họa 1	3	
6	076105	Nghệ thuật chữ 1 (căn bản)	2	070548 (a)
7	070006	Kỹ năng giao tiếp (HP1)	2	
HỌC KỲ 3			16	

1	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	
2	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	070006 (a)
3	075582	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	075581 (a)
4	073501	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1	3	073500 (a)
5	071945	Hình hoạ 3	3	071943 (a)
6	076102	Cơ sở tạo hình đồ họa 2	3	076101 (a)
7	070549	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản)	3	
HỌC KỲ 4			18	
1	075583	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	075582 (a)
2	073513	Khởi nghiệp	2	
3	073502	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2	3	073501 (a)
4	071946	Kỹ thuật Hội hoạ - Thực tế	2	071943 (a)
5	070544	Nguyên lý thiết kế đồ họa	3	
6	076107	Nghệ thuật minh họa	3	
7	070550	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao)	3	070549 (a)
HỌC KỲ 5			15	
1	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075583 (a)
2	070561	Thiết kế và minh họa sách	3	
3	076144	Tin học chuyên ngành 4 (Digital painting)	3	070549 (a)
4	076106	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao)	2	076105 (a)
5	070563	Ý tưởng thiết kế	3	
6	076178	Thiết kế Poster 1	2	070549 (a)
HỌC KỲ 6			16	
1	074106	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	
2	073848	Tin học chuyên ngành 5 (In Design)	3	
3	076104	Nhiếp ảnh	3	
4	073054	Marketing và thương hiệu	2	
5	076113	Thiết kế thương hiệu - Brand	3	070548 (a) 070549 (a)

6	071093	Thiết kế Logo	3	076101 (a)
HỌC KỲ 7			16	
1	074107	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	074106 (a)
2	070011	Pháp luật đại cương	2	
3	076109	Thiết kế linh vật - Mascot	3	
4	073850	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm	3	070548 (a) 070549 (a)
5	076112	Thiết kế Catalogue và Brochure	2	070548 (a) 070549 (a)
6	076179	Thiết kế Poster 2	2	076178 (a)
Tự chọn			2	
1	075151	Thiết kế tranh cổ động và tuyên truyền	2	
2	071949	Kỹ thuật đồ họa	2	
HỌC KỲ 8			15	
1	070559	Thiết kế giao diện Web	3	070548 (a) 070549 (a)
2	076103	Kỹ thuật in chuyên ngành	2	074106 (a)
3	073058	Thiết kế Báo chí và tạp chí	3	073848 (a)
4	070566	Thiết kế đồ họa truyền thông - sự kiện công cộng	3	070548 (a) 070549 (a)
5	076108	Thiết kế Lịch và Thiệp	2	
6	073851	Hồ sơ năng lực thiết kế	2	
HỌC KỲ 9			12	
1	071094	Thực tập tốt nghiệp	5	
2	074111	Đề cương tốt nghiệp	2	
3	074110	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP)	3	071093 (a) 073054 (a)
4	076114	Minh họa phân cảnh quảng cáo	2	070561 (a)
HỌC KỲ 10			8	
1	074112	Đồ án tốt nghiệp	8	

Lưu ý:

Tiến độ học tập theo phân bổ này có định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện học phần theo quy định.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các môn học/học phần vào chuẩn đầu ra trong chương trình đào

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												Tổng
				ELO1 (K1)	ELO2 (K2)	ELO3 (K3)	ELO4 (K4)	ELO5 (K5)	ELO6 (S1)	ELO7 (S2)	ELO8 (S3)	ELO9 (S4)	ELO10 (A1)	ELO11 (A2)	ELO12 (A3)	
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5
2	075581	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5
3	075582	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5
4	075583	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5
6	070011	Pháp luật đại cương	2	H	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5
8	070023	Giáo dục thể chất	5	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												Tổng
				ELO1 (K1)	ELO2 (K2)	ELO3 (K3)	ELO4 (K4)	ELO5 (K5)	ELO6 (S1)	ELO7 (S2)	ELO8 (S3)	ELO9 (S4)	ELO10 (A1)	ELO11 (A2)	ELO12 (A3)	
9	073499	Tiếng Anh tổng quát 1	3	S	N	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	5
10	073500	Tiếng Anh tổng quát 2	3	S	N	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	5
11	073501	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1	3	S	N	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	5
12	073502	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2	3	S	N	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	5
13	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	S	N	N	N	N	S	H	N	N	S	H	N	5
14	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	S	N	N	N	N	S	H	N	N	S	H	N	5
15	073513	Khởi nghiệp	2	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	H	N	5
16	071950	Mỹ Thuật học	2	S	S	S	S	S	S	H	H	H	S	S	S	12
17	071350	Logic học	2	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												Tổng
				ELO1 (K1)	ELO2 (K2)	ELO3 (K3)	ELO4 (K4)	ELO5 (K5)	ELO6 (S1)	ELO7 (S2)	ELO8 (S3)	ELO9 (S4)	ELO10 (A1)	ELO11 (A2)	ELO12 (A3)	
18	070796	Tư duy sáng tạo	2	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5
19	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5
20	070669	Lịch sử văn minh thế giới	2	S	N	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	5
21	073470	Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa	2	S	H	S	S	S	S	S	H	S	N	N	H	10
22	070534	Hình họa 1	3	S	S	S	S	H	N	N	H	S	N	N	S	8
23	071943	Hình họa 2	3	S	S	S	S	H	N	N	H	S	N	N	S	8
24	071945	Hình họa 3	3	S	S	S	S	H	N	N	H	S	N	N	S	8
25	075931	Cơ sở tạo hình mỹ thuật	3	S	S	S	S	H	S	S	H	S	N	N	S	9

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO1 (K1)	ELO2 (K2)	ELO3 (K3)	ELO4 (K4)	ELO5 (K5)	ELO6 (S1)	ELO7 (S2)	ELO8 (S3)	ELO9 (S4)	ELO10 (A1)	ELO11 (A2)	ELO12 (A3)	Tổng
26	076101	Cơ sở tạo hình đồ họa 1	3	S	H	S	S	H	S	N	H	S	N	N	S	9
27	076102	Cơ sở tạo hình đồ họa 2	3	S	H	S	S	H	S	N	H	S	N	N	S	9
28	070544	Nguyên lý thiết kế Đồ Họa	3	S	H	S	S	S	S	S	H	S	N	N	H	10
29	071946	Kỹ thuật hội họa - Thực tế	2	S	S	S	S	S	S	S	H	S	N	N	H	10
30	074106	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	12
31	074107	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	12
32	070548	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	3	N	H	S	S	S	S	N	H	S	N	N	N	7

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												Tổng
				ELO1 (K1)	ELO2 (K2)	ELO3 (K3)	ELO4 (K4)	ELO5 (K5)	ELO6 (S1)	ELO7 (S2)	ELO8 (S3)	ELO9 (S4)	ELO10 (A1)	ELO11 (A2)	ELO12 (A3)	
33	070549	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản)	3	S	H	S	S	S	S	N	H	S	N	N	N	8
34	070550	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao)	3	S	H	S	S	S	S	N	H	S	N	N	N	8
35	076144	Tin học chuyên ngành 4 (digital painting)	3	S	H	S	S	S	S	N	H	S	N	N	N	8
36	073848	Tin học chuyên ngành 5 (indesign)	3	S	H	S	S	S	S	N	H	S	N	N	N	8
37	076103	Kỹ thuật in chuyên ngành	2	S	H	H	H	S	S	N	H	H	N	S	S	10
38	071949	Kỹ thuật đồ hoạ	2	S	H	H	H	S	S	N	H	H	N	S	S	10

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO1 (K1)	ELO2 (K2)	ELO3 (K3)	ELO4 (K4)	ELO5 (K5)	ELO6 (S1)	ELO7 (S2)	ELO8 (S3)	ELO9 (S4)	ELO10 (A1)	ELO11 (A2)	ELO12 (A3)	Tổng
39	076104	Nhiếp ảnh	3	S	H	S	S	S	N	S	H	S	N	S	H	10
40	076105	Nghệ thuật chữ 1 (căn bản)	2	S	S	S	S	S	N	S	S	S	N	S	S	10
41	076106	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao)	2	S	S	S	S	S	N	S	S	S	N	S	S	10
42	070563	Ý tưởng thiết kế	3	S	H	H	H	S	H	S	S	H	S	H	H	12
43	076107	Nghệ thuật minh họa	3	S	H	H	H	H	S	S	S	H	S	H	H	12
44	070561	Thiết kế và minh họa sách	3	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	S	H	12
45	076108	Thiết kế Lịch và Thiệp	2	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	S	H	12

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												Tổng
				ELO1 (K1)	ELO2 (K2)	ELO3 (K3)	ELO4 (K4)	ELO5 (K5)	ELO6 (S1)	ELO7 (S2)	ELO8 (S3)	ELO9 (S4)	ELO10 (A1)	ELO11 (A2)	ELO12 (A3)	
46	073054	Marketing và thương hiệu	2	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	H	H	12
47	076109	Thiết kế linh vật - Mascot	3	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	S	H	12
48	071093	Thiết kế Logo	3	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	S	H	12
49	076178	Thiết kế Poster ₁	2	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	S	H	12
50	076179	Thiết kế Poster ₂	2	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	S	H	12
51	076112	Thiết kế Catalogue và Brochure	2	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	S	H	12
52	070566	Thiết kế đồ họa truyền thông – sự	3	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	H	H	12

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO1 (K1)	ELO2 (K2)	ELO3 (K3)	ELO4 (K4)	ELO5 (K5)	ELO6 (S1)	ELO7 (S2)	ELO8 (S3)	ELO9 (S4)	ELO10 (A1)	ELO11 (A2)	ELO12 (A3)	Tổng
		kiến công cộng														
53	076113	Thiết kế thương hiệu - Brand	3	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	H	H	12
54	073850	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm	3	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	H	H	12
55	070559	Thiết kế giao diện Web	3	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	H	H	12
56	076114	Mình họa phân cảnh quảng cáo	2	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	H	H	12
57	073058	Thiết kế đồ họa Báo và tạp chí	3	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	H	H	12

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO1 (K1)	ELO2 (K2)	ELO3 (K3)	ELO4 (K4)	ELO5 (K5)	ELO6 (S1)	ELO7 (S2)	ELO8 (S3)	ELO9 (S4)	ELO10 (A1)	ELO11 (A2)	ELO12 (A3)	Tổng
58	074110	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP)	3	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	H	H	12
59	073851	Hồ sơ năng lực thiết kế	2	S	H	H	H	S	N	S	S	S	S	S	S	11
60	074111	Đề cương tốt nghiệp Thiết kế tranh cổ động và tuyên truyền	2	S	H	H	H	S	N	N	S	N	S	S	S	9
61	075151	Thiết kế tranh cổ động và tuyên truyền	2	S	H	H	H	H	S	S	S	S	H	S	H	12
62	071094	Thực tập tốt nghiệp	5	S	H	H	H	S	S	H	S	S	H	H	H	12
63	074112	Đồ án tốt nghiệp	8	S	H	H	H	H	S	S	S	H	S	H	H	12

Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra																	
TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	Tổng	
				(K1)	(K2)	(K3)	(K4)	(K5)	(S1)	(S2)	(S3)	(S4)	(A1)	(A2)	(A3)		
Tổng (%)				62	44	44	44	44	55	49	43	44	44	49	39		561
				(11.1)	(7.8)	(7.8)	(7.8)	(7.8)	(9.8)	(8.8)	(7.7)	(7.8)	(7.8)	(8.8)	(7.8)	(8.8)	(7)

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Triết học Mác-Lênin: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng với 6 chương. Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được xây dựng với 7 chương. Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên, học viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng

để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương học trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hoá, đạo đức con người.

Pháp luật đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật. Qua đó, sinh viên có được những hiểu biết ban đầu về nguồn gốc, bản chất, các đặc trưng của nhà nước và pháp luật; chức năng, vai trò, hình thức và các kiểu nhà nước; khái niệm pháp luật và các hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật trong cuộc sống.

Giáo dục quốc phòng – an ninh (*): 8 tín chỉ

Nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh ban hành kèm theo Quyết định số 791/QĐ-NTT ngày 19/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

Gồm 2 nội dung:

Nội dung của học phần 1- Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, những lý thuyết về kỹ - chiến thuật cơ bản các giai đoạn của một ván đấu. Sinh viên biết cách suy nghĩ độc lập và sáng tạo trong khi giải quyết các nhiệm vụ, các tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ chiến thuật cơ bản vào thực tiễn từng giai đoạn ván cờ. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về môn học. Rèn luyện năng lực tư duy, trí nhớ và năng lực

tâm lý, khả năng tập trung, tính quyết đoán, lòng tự trọng và tính kỷ luật của sinh viên.

Nội dung của học phần 2 - Taekwondo: Trang bị cho sinh viên một số điều luật thi đấu của môn Taekwondo. Hiểu được nguyên lý kỹ thuật của các đòn chân, các đòn tay, bài quyền số 1 và phương pháp thi đấu của môn Taekwondo. Thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, các phương pháp thi đấu và bài quyền số 1. Với môn học mang đậm tính nghệ thuật sẽ giúp học viên yêu thích môn học, tạo hưng phấn và kích thích người tập tích cực tập luyện thường xuyên nhằm nâng cao sức khỏe và thể lực.

Tiếng Anh tổng quát 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài đầu của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề thông thường về “bản thân, sở thích cá nhân, làm quen kết bạn, sức khỏe, lối sống, cột mốc quan trọng trong đời”.

Tiếng Anh tổng quát 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài sau của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề về “những mặt hàng cao cấp đắt tiền; thiên nhiên; cuộc sống trong quá khứ; đi du lịch; sự nghiệp và lễ hội”.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình Campus ToEIC (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên

tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung còn lại của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời phát triển các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

Kỹ năng giao tiếp: 2 tín chỉ

Nội dung: học phần “Kỹ năng giao tiếp” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tư duy giao tiếp xã hội và kỹ năng giao tiếp cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp xã hội. Người học nắm vững những vấn đề khoa học cơ bản về tâm lý giao tiếp và nguyên tắc giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động thuyết trình, phỏng vấn xin việc làm chuyên nghiệp, phân tích đánh giá bản thân, để hình thành tính chủ động, năng động, tự tin trong quá trình lập nghiệp và học tập suốt đời. Biết vận dụng có hiệu quả các kỹ năng lắng nghe, ứng xử, điều hành, giải quyết vấn đề và kỹ năng sống trong giao tiếp khách hàng, đồng nghiệp thông qua các yếu tố ngôn ngữ nói, viết và ngôn ngữ cơ thể phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và môi trường xung quanh.

Kỹ năng giao tiếp (HP2): 02 tín chỉ

Nội dung: giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp chuyên sâu, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào giao tiếp trong cuộc sống, công việc và học tập. Cụ thể, sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc viết E-mail, giao tiếp, thông báo, báo cáo Khoa học, các loại văn bản kinh doanh gửi cho khách. Sinh viên cũng sẽ được chuẩn bị các kỹ năng viết hồ sơ xin việc và phỏng vấn xin việc làm chuyên sâu. Trong khi học các kỹ năng viết e-mail, viết báo cáo, sinh viên sẽ được giao những bài tập làm trong nhóm (tại lớp hay tại

nhà), từ đó sẽ hiểu cách làm việc nhóm hiệu quả nhất cũng như cách giao tiếp tốt nhất trong nhóm.

Khởi nghiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, kỹ năng về lập kế hoạch hàng năm cho các bộ phận trong công ty và lập dự án khởi nghiệp, như: tổng quan về kế hoạch kinh doanh, nội dung và quá trình lập kế hoạch kinh doanh, thu thập thông tin, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính, phân tích rủi ro trong lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kế hoạch kinh doanh và các vấn đề thực tiễn, triển khai một kế hoạch kinh doanh mẫu.

Logic học: 2 tín chỉ

Nội dung: học phần “Logic học” cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức về các hình thức, bản chất của các phạm trù khoa học, giả thuyết khoa học và quy luật của tư duy chính xác, tư duy lôgic. Giúp người học có năng lực tự nâng cao tư duy phản biện khoa học, tư duy sáng tạo trong quá trình nhận thức thực tiễn khách quan và biết vận dụng vào quá trình biện luận, lý giải, phân tích, đánh giá tổng quan về các vấn đề khoa học trong các chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành và biết cách thức đặt vấn đề khoa học, giải quyết vấn đề, dự báo vấn đề khoa học mới trong các tiểu luận khoa học, đề tài NCKH, luận văn, luận án tốt nghiệp và trong các hoạt động chuyên môn lập nghiệp suốt đời.

Tư duy sáng tạo: 2 tín chỉ

Nội dung: học phần “Tư duy sáng tạo” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Tư duy nhận thức khoa học sáng tạo trong hoạt động khoa học – kỹ thuật – công nghệ của cuộc sống xã hội. Hiểu được và vận dụng được các qui luật và nguyên tắc tư duy sáng tạo vào trong hoạt động phân tích, đánh giá và lựa chọn giải pháp giải quyết tối ưu, khả thi, hiệu dụng để đề ra quyết định trong từng phạm vi áp dụng cụ thể, đáp ứng mục tiêu đổi mới cho tương lai. Giúp cho người học luôn tự tin vào năng lực sáng tạo của bản thân, để biết chủ động phát huy tính năng động hình thành các ý tưởng sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong quá trình lập nghiệp và học tập suốt đời, nhằm đáp ứng các nhu cầu xã hội đa dạng, phong

phù theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc, biết kiến tạo ra sản phẩm sáng chế, sản phẩm mới, sáng kiến mới vào hoạt động thực tiễn.

Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp những khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa, nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ xưa cho đến nay. Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc và văn hóa phương Tây.

Lịch sử văn minh thế giới: 2 tín chỉ

Giúp người học có những kiến thức cơ bản về lịch sử văn minh thế giới trước khi tiếp cận các môn chuyên ngành Luật. Nội dung học phần cung cấp cho người học có thể có đó được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các trung tâm văn minh tiêu biểu trên thế giới. Qua đó, người học cũng có thể hiểu sâu hơn một số khái niệm liên quan đến học phần; nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới; tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại.

Mặt khác, nghiên cứu lịch sử không chỉ tìm hiểu về quá khứ của, mà trên cơ sở đó để hiểu biết sâu sắc hơn về hiện tại, hành động tích cực trong hiện tại và tiên đoán sự phát triển của tương lai. Từ đó, môn Lịch sử văn minh thế giới góp phần xây dựng quan điểm nhân văn, nhân sinh quan đúng đắn, nâng cao lòng tự hào, biết trân trọng những giá trị tinh thần, vật chất của văn minh loài người, biết vận dụng một cách hữu ích vào công việc, đời sống; nhận thức rõ được những yếu tố cần kế thừa, phát huy hay loại trừ trong bối cảnh hội nhập thế giới, phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước theo đường lối công nghiệp hóa - hiện đại hóa, với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Mỹ thuật học: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chung những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng; các loại hình nghệ thuật, đặc trưng hình tượng nghệ thuật, đặc trưng và vai trò xã hội của các thể loại nghệ thuật tạo hình: hội họa, điêu khắc, đồ họa.... Vị trí và vai trò của mỹ thuật trong cuộc sống.

Nhập môn nghệ thuật Thiết kế đồ họa: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, khái niệm về ngành học, khái quát lịch sử ra đời và phát triển ngành Thiết Kế đồ họa. Sinh viên bước vào làm quen các thuật ngữ chuyên ngành và các mối liên kết đa ngành cơ bản. Trang bị phương pháp cơ bản trong tiếp cận, nghiên cứu, phân tích, đánh giá và ứng dụng các thông tin có liên quan đến lĩnh vực Thiết Kế đồ họa.

Hình họa 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức mỹ thuật tạo hình và các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật vẽ diễn tả đối tượng từ hình khối cơ bản đến phức tạp. Giúp sinh viên nắm được phương pháp vẽ cơ bản: Dựng hình, diễn tả khối, tả chất và không gian; hiểu rõ được tỷ lệ, cấu trúc, phối cảnh của các sự vật, hình khối và cấu trúc cơ bản khuôn mặt người; Nắm vững kỹ năng vẽ chì và phương pháp sử dụng màu nước.

Hình họa 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về giải phẫu học cơ bản, phương pháp quan sát, phân tích, nhận diện đặc điểm chân dung người mẫu. Trang bị khả năng nắm bắt đặc điểm, tỷ lệ, cấu trúc khuôn mặt người, định vị đúng các đường trục, vị trí, hình dáng các bộ phận trên khuôn mặt trong quy trình vẽ nhân vật. Nâng cao khả năng sử dụng màu trong diễn tả chân dung người.

Hình họa 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức về giải phẫu học chuyên sâu cơ thể người, nắm vững các tương quan tỷ lệ, cấu trúc cơ thể học, các cơ xương chính, các cơ xương cánh tay, cổ tay..., các đặc điểm về giới tính, lứa tuổi. Phương pháp vẽ nghiên cứu toàn thân nam và nữ bằng bút chì, bút sắt, màu nước.

Cơ sở tạo hình mỹ thuật: 3 tín chỉ

Nội dung: Trình bày các kiến thức tổng quan trong nghệ thuật trang trí, nguyên lý cơ bản của thiết kế trang trí mỹ thuật (Sự lặp đi lặp lại, sự xen kẽ, sự đảo ngược, sự đối xứng - đối xứng, sự đan chéo, sự song song... và các sơ đồ bố cục cơ bản). Hướng dẫn các quy luật hòa sắc căn bản và phương pháp vẽ cơ bản như ký họa, ghi chép hoa lá, động vật trong tự nhiên. Hướng dẫn sinh viên phương pháp nghiên cứu cấu trúc từ thiên nhiên và cách chắt lọc các đặc điểm của mẫu vật vào bài học thiết kế. Rèn luyện kỹ năng vẽ tay, kỹ thuật tạo hình mỹ thuật và sử dụng thành thạo các công cụ vẽ.

Cơ sở tạo hình đồ họa 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên và các quy luật cơ bản, các phương pháp trang trí cách điệu, lược giản sự vật được vận dụng trong thiết kế đồ họa (như quy luật tối giản, quy luật tỉ lệ vàng...). Nắm bắt quá trình lược nét, đơn giản hoa lá, con vật... phục vụ cho việc thiết kế các biểu tượng đồ họa có giá trị ứng dụng cao trong đời sống.

Cơ sở tạo hình đồ họa 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị kiến thức, quy trình sáng tác trang trí đồ họa truyền thống thị giác. Từ nghiên cứu, khảo sát thực tế khách quan của xã hội, các nền văn hóa... đến ý tưởng sáng tạo theo góc nhìn của người thiết kế đồ họa. Phương pháp cách điệu và sáng tạo các hình tượng nhân vật dựa trên sự nghiên cứu cơ thể và cảm xúc của con người.

Nguyên lý thiết kế Đồ họa: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát, những nguyên lý đặc trưng cơ bản của ngành thiết kế đồ họa nói riêng và của lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng nói chung. Đó là các quy tắc, quy luật đặc trưng được vận dụng trong quá trình thiết kế ở các môn học chuyên ngành của thiết kế đồ họa. Ngoài ra, các quy luật này còn được vận dụng thực tiễn trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau trong xã hội.

Kỹ thuật hội họa – Thực tế: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần gồm 2 phần:

Phần thứ nhất, tập trung vào kiến thức mỹ thuật về bố cục phong cảnh, luật phối cảnh, phương pháp và kỹ thuật vẽ ngoài trời... được vận dụng trong nghệ thuật tạo hình. Sinh viên hiểu rõ các chất liệu cơ bản của hội họa.

Phần thứ hai thực tế, sinh viên sẽ tiếp cận các góc nhìn thị giác tự nhiên trong quá trình đi thực tế bên ngoài. Qua đó sinh viên sẽ vẽ ký họa, ghi chép lại phong cảnh, sự vật, nhà phố... theo góc nhìn cảm xúc của mình bằng bút chì, bút sắc và màu nước.

Tiếng Anh chuyên ngành 1, 2: 4 tín chỉ

Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp với thuật ngữ chuyên ngành chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu. Làm cơ sở phát triển năng lực ngoại ngữ: Có thể xác định được chủ đề của các hội thoại; hiểu và giao tiếp, nắm được ý chính liên quan đến các chủ đề chuyên ngành: Mô tả hình khối, màu sắc, kiểu dáng; vẽ phác thảo, ý tưởng trong chuyên ngành Thiết kế đồ họa, Mỹ thuật ứng dụng; Có thể hiểu các đoạn văn bản về các chủ đề chuyên ngành quen thuộc và cụ thể, sử dụng những từ, cụm từ chuyên ngành trong công việc và xác định thông tin cụ thể trong các văn bản, thư từ trao đổi, hay tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.

Tin học chuyên ngành 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Phần mềm đồ họa Adobe Illustrator phổ biến tại Việt Nam nhờ tính ưu việt trong các kỹ thuật vận hành, sử dụng trong thiết kế đồ họa. Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành sinh động theo thang độ từ cơ bản đến nâng cao. Sinh viên có được kiến thức về chuyên ngành và kỹ năng sử dụng thành thạo chương trình vẽ đồ họa số từ đơn giản đến phức tạp nhằm phục vụ trong các môn thiết kế chuyên ngành và trong công việc chế bản in ấn.

Tin học chuyên ngành 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Phần mềm xử lý ảnh Adobe Photoshop là một chương trình vượt trội so với rất nhiều các chương trình xử lý hình ảnh khác, nó là nền tảng quan trọng nhất cho quá trình thiết kế đồ họa kỹ thuật số. Qua các bài học lý thuyết và

thực hành từ cơ bản đến chuyên ngành, sinh viên sẽ dần làm chủ công nghệ hình ảnh photoshop. Sinh viên có kiến thức, có kỹ năng thực hiện việc chỉnh sửa, thay đổi chi tiết hay màu sắc của một bức hình từ đơn giản đến phức tạp. Đáp ứng cho các yêu cầu thiết kế sáng tạo chuyên môn thiết kế layout.

Tin học chuyên ngành 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành, sinh viên sẽ làm chủ công nghệ số xử lý hình ảnh photoshop với các hiệu ứng đồ họa đặc biệt. Sinh viên có kiến thức và kỹ năng thực hiện việc chỉnh sửa, tạo hiệu ứng chi tiết và đặc biệt trong quá trình sáng tạo hình ảnh kỹ thuật số ở các thiết kế chuyên ngành. Đạt được sự chính xác cao trong công việc thiết kế đồ họa, trong việc chế bản cho ngành in.

Tin học chuyên ngành 4: 3 tín chỉ

Nội dung: Vẽ kỹ thuật số là nền tảng, liên kết quan trọng trong quá trình hoàn thiện ý tưởng thiết kế đồ họa. Sinh viên được trang bị các kiến thức đồ họa kỹ thuật số, các kỹ năng vẽ kỹ thuật số và các quy trình phối hợp, liên kết trong thiết kế công nghệ số - digital painting để vận dụng trong công việc thiết kế đồ họa, hoàn thiện bản thiết kế từ khâu ý tưởng đến final, thành phẩm theo đúng quy chuẩn đồ họa.

Tin học chuyên ngành 5: 3 tín chỉ

Nội dung: Điểm nổi bật của Adobe Indesign chính là tính đa dạng, tiện dụng và cách trình bày khoa học giúp cho cho việc truy cập, dàn trang thiết kế một cách thuận tiện và nhanh chóng. Sinh viên có kiến thức về Adobe Indesign là nắm bắt được tính kế thừa các công cụ và phương pháp kết hợp các phần mềm như Illustrator và photoshop hay các định dạng file khác như Microsoft Word, hay file PDF vào Indesign. Kiến thức và kỹ năng chuyên ngành Indesign hỗ trợ sinh viên trong việc thiết kế dàn trang sách, báo chí... một cách hiệu quả, tạo nên các bản final chuyên nghiệp trong quy trình chế bản in ấn thành phẩm.

Kỹ thuật in chuyên ngành: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp đầy đủ các phương pháp và kiến thức cơ bản cho sinh viên về kỹ thuật in ấn, từ bản thiết kế đồ họa đến phương pháp, thủ thuật xuất file, định dạng đầu cho tài liệu, cách thức thực hiện một quy trình thiết kế từ lúc bắt đầu đến khi xuất file in thành phẩm.

Nâng cao kiến thức đồ họa và chủ động trong quá trình thiết kế. Phân tích được những khía cạnh khác nhau của kỹ thuật in, chế bản in... nhằm tạo ra sự hoàn thiện tối ưu cho mẫu thiết kế.

Nhiếp ảnh: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị kiến thức về máy ảnh kỹ thuật số, cách sử dụng máy ảnh và phương pháp sử dụng ống kính, dùng phòng tối, xử lý ảnh màu và ảnh đen trắng... sinh viên hiểu rõ vai trò, tính ứng dụng của nghệ thuật nhiếp ảnh trong quy trình thiết kế đồ họa. Trên cơ sở nắm vững kỹ thuật ảnh số, sinh viên có thêm nhiều lựa chọn, ứng dụng cho các ý tưởng thiết kế chuyên ngành.

Nghệ thuật chữ 1, 2: 4 tín chỉ

Nội dung: Phần một: Trang bị kiến thức về Typography. Cung cấp các kiến thức lịch sử ra đời của chữ viết, các kiểu chữ, quy tắc và cấu trúc, kiểu dáng hình thành nên các kiểu chữ phổ biến trong các văn hóa.

Phần hai: Nghệ thuật sáng tác thiết kế chữ, vai trò thẩm mỹ của các mẫu chữ viết tay đối với đời sống và trong lĩnh vực thiết kế đồ họa. Kỹ năng thiết kế các kiểu chữ, khoảng âm dương và nhịp điệu trong các con chữ... vận dụng cho việc thiết kế logo, thiết kế biểu tượng bằng chữ, hay dàn trang layout văn bản trong các thiết kế đồ họa chuyên ngành.

Ý tưởng thiết kế: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức, những nguyên lý sáng tạo và cách thức vận hành hệ thống ý tưởng trong quá trình thiết kế đồ họa. Qua kiến thức chuyên môn, bao gồm cả tính thời đại và thuộc tính văn hóa các dân tộc, sinh viên có được góc nhìn khách quan hơn về quy trình sáng tạo, các bước cơ bản trong thiết kế: Từ ý tưởng đến thực hiện bản thiết kế ra thành phẩm in ấn, hay quá trình vận hành.

Nghệ thuật minh họa: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức trong lĩnh vực minh họa. Minh họa dưới góc nhìn nghệ thuật và minh họa ứng dụng trong thiết kế trang trí sản phẩm, thiết kế minh họa trong lĩnh vực sản xuất bao bì, quảng cáo. Sinh viên được có được kỹ năng vẽ minh họa và kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

Thiết kế và minh họa sách: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản đến chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế minh họa sách, truyện tranh. Ứng dụng các thiết kế này trong các lĩnh vực xuất bản. Sinh viên được có được kỹ năng vẽ minh họa nhân vật, minh họa theo nội dung tác phẩm và kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

Thiết kế lịch và Thiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Khái niệm về Lịch – Thiệp & Sơ nét về lịch sử ra đời. Vai trò và công năng của các loại Lịch – Thiệp; Xu hướng thiết kế các loại Lịch – Thiệp, cùng các hình thức sáng tạo, các quy định và phương pháp thiết kế các loại Lịch – Thiệp. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng trong thiết kế bộ lịch trang trí, lịch cho sản phẩm hay lịch cho các sự kiện đặc biệt. Sinh viên có khả năng kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

Makerting và Thương hiệu: 2 tín chỉ

Nội dung: Xây dựng thương hiệu là quá trình lựa chọn và kết hợp các thuộc tính hữu hình cũng như vô hình để định hướng vị thế vai trò, giá trị khác biệt của sản phẩm, dịch vụ hoặc tập đoàn. Kiến thức về marketing giữ vai trò quan trọng định hình nên mục đích và ý nghĩa của thương hiệu, góp phần lớn cho sự phát triển bền vững, dài hạn của doanh nghiệp. Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong vận hành thương hiệu như: Xác định cấu trúc nền móng thương hiệu; Định vị thương hiệu; Xây dựng chiến lược thương hiệu; Xây dựng chiến lược truyền thông; Đo lường và hiệu chỉnh.

Thiết kế linh vật - Mascot: 3 tín chỉ

Nội dung: Trong lĩnh vực thiết kế đồ họa và quảng cáo, kỹ năng vẽ tạo hình phác triển các ý tưởng sáng tạo là yếu tố quyết định. Thiết kế linh vật, được sử dụng như một biểu tượng riêng của doanh nghiệp trong thiết kế thương hiệu, hay xây dựng sản phẩm mới. Môn học giúp cho sinh viên nắm vững các kỹ năng sáng tác tạo hình linh vật từ giai đoạn bắt đầu ý tưởng, phác thảo và hoàn thiện nhân vật trong quy trình thiết kế đồ họa. Sinh viên được có được kỹ năng vẽ nhân vật và kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

Thiết kế logo: 3 tín chỉ

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức, khái niệm về biểu trưng - logo, biểu tượng, ký hiệu, huy hiệu, phù hiệu, linh vật... các đặc điểm, tính chất, vai trò, vị trí của Logo. Trang bị cho sinh viên phương pháp và quy trình nghiên cứu, thiết kế các loại logo, biểu trưng. Thiết kế bộ giấy tờ văn phòng: giấy viết thư (Letterhead), danh thiếp (Name card), bao thư (Envelop), biểu mẫu cho Fax... Trang bị cho sinh viên cách vận dụng thiết kế logo để ứng dụng vào một thương hiệu giả lập hay có thật trên thị trường.

Thiết kế Poster 1, 2: 6 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức về nghệ thuật quảng cáo, vai trò, giá trị và tầm ảnh hưởng của quảng cáo trong xã hội hiện đại. Sinh viên có kiến thức về thiết kế quảng cáo và nhận biết được sự khác nhau giữa các loại hình truyền thông thị giác. Có kỹ năng chuyên sâu về thiết kế đồ họa thị giác kỹ thuật số bằng những hình ảnh và chữ viết cô đọng, nhằm truyền đạt thông điệp, cổ động, quảng cáo ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống.

Thiết kế Catalogue và Brochure: 2 tín chỉ

Nội dung: kiến thức về truyền thông quảng cáo. Phân tích các đặc điểm để chọn lựa phương cách bố cục, hình ảnh minh họa, chữ... cho phù hợp, đảm bảo thông tin trong quá trình thiết kế Catalogue, Brochure, Flyer, Leaflet và in ấn. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng chuyên môn thiết kế. Ứng dụng các

thiết kế này trong lĩnh vực xuất bản ấn phẩm. Sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ thiết kế đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Thiết kế đồ họa truyền thông, công cộng. Ứng dụng học phần thiết kế này trong các lĩnh vực như: tổ chức sự kiện, hội chợ, quảng bá sản phẩm mới...

Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Thiết kế thương hiệu - Brand: 3 tín chỉ

Nội dung: Thiết kế thương hiệu là bộ mặt trong quy trình thiết kế sản phẩm mới (brandbuilding). Vận dụng kiến thức môn typography sự hiểu biết sâu sắc các đặc trưng về kiểu chữ, cấu trúc, kiểu dáng... Sinh viên thực hành kỹ năng sáng tạo ứng dụng vào thực tiễn, để thiết kế tên nhãn hàng, tên sản phẩm mới. Qua môn học sinh viên có được kỹ năng thiết kế đồ họa ứng dụng và nắm rõ được quy trình xây dựng một sản phẩm mới.

Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm: 3 tín chỉ

Nội dung: Sự liên kết giữa 2 môn, thiết kế thương hiệu tên sản phẩm mới áp dụng vào thiết kế bao bì sản phẩm. Sinh viên thực hiện các bài tập dựa trên cơ sở bài giảng về cấu trúc, thể loại bao bì, hộp đựng... tham khảo, nghiên cứu nhãn mác của bao bì và phần thể tích chứa đựng của sản phẩm trên thị trường. Sinh viên dựa trên nền tảng các sản phẩm có mặt trên thị trường để áp dụng vào thiết kế bài học, với kích thước và thành phẩm hoàn toàn như thật.

Thiết kế giao diện Web: 3 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công nghệ truyền thông, và các nền tảng chính của dữ liệu số. Sinh viên học về layout, thiết kế giao diện web, các hệ màu và quy chuẩn trong vận hành và truyền dữ liệu kỹ thuật số.

Minh họa phân cảnh quảng cáo: 2 tín chỉ

Nội dung: Dựa trên nội dung kịch bản cụ thể, theo từng phân đoạn, người thiết kế sẽ chuyển thể những kịch bản viết đó ra thành những phác họa hình ảnh như một cuốn truyện tranh, vừa hội tụ đầy đủ góc máy, khung hình... vai trò của StoryBoard được xem như một kịch bản bằng hình, thể hiện bối cảnh, nhân vật trong câu chuyện và trạng thái cảm xúc của từng nhân vật trong mỗi cảnh quay.

Thiết kế đồ họa Báo và tạp chí: 3 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức, khái niệm về nghệ thuật truyền thông cộng đồng hay thuật ngữ báo chí, tạp chí... vai trò của báo chí, tạp chí trong muôn mặt thông tin xã hội, trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, và quy trình, phương pháp thiết kế minh họa báo chí, tạp chí. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong lĩnh vực thiết kế đồ họa truyền thông báo chí và xuất bản.

Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP): 3 tín chỉ

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những nhận thức về các đặc điểm, tính chất, vai trò, vị trí của Logo và hệ thống nhận diện thương hiệu (Corporate Identity System = CI hay Corporate Identity Programs = CIP), vai trò của nó trong đời sống kinh tế, thương mại. Hệ thống nhận diện thương hiệu là hệ thống chuẩn mực, là quy chuẩn về hình ảnh, kích thước, nguyên tắc sử dụng Logo, Slogan, các hạng mục văn phòng, quan hệ công chúng, thương mại điện tử, đồ họa ngoài trời... của doanh nghiệp. Qua môn học, sinh viên có kiến thức và khả năng thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu cho các công ty, doanh nghiệp.

Hồ sơ năng lực thiết kế: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên phương pháp thiết kế profile cá nhân, giới thiệu khả năng và năng lực bản thân trước nhà tuyển dụng, hay giới thiệu trình bày các ý tưởng trước đối tác, khách hàng. Sinh viên sẽ tiếp cận được các phương pháp tìm ý tưởng riêng, thiết lập hệ thống ý tưởng, xác định khối lượng, quy mô của đồ án, phong cách thiết kế hợp với tính cách của cá nhân hay đề tài và sự đảm bảo khả năng thông tin tốt, ý tưởng độc đáo, tính thẩm mỹ đồ họa cao. Các kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về: màu sắc, tín hiệu, bề mặt, đồ họa trang trí...

Đề cương tốt nghiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên phương pháp từ việc chọn đề tài, tư duy, viết đề cương, tìm ý tưởng riêng, thiết lập hệ thống ý tưởng, xác định khối lượng, quy mô của đồ án, phong cách thiết kế hợp với tinh thần của đề tài và đảm bảo khả năng trình bày thông tin tốt. Đặc biệt là trang bị cho sinh viên khả năng phân tích, đánh giá, phản biện cho từng phương án thể hiện của chính mình qua các tài liệu – tư liệu được thu thập trong thời gian thực tập có liên quan đến sản phẩm hay công ty mà sinh viên lựa chọn cho chủ đề tốt nghiệp. Dựa trên các tài liệu này sinh viên hoàn thiện đề cương tốt nghiệp với các hạng mục thiết kế đầy đủ, để chuẩn bị cho quá trình thực hiện và hoàn thiện đồ án trong giai đoạn Tốt nghiệp.

Kỹ thuật đồ họa: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp kiến thức, quy trình vận hành từ khâu lên ý tưởng, phác thảo vẽ tay đến thiết kế đồ họa trên máy tính hay các phương tiện kỹ thuật số khác. Quy trình xuất file thiết kế đến sản xuất thành phẩm. Tập trung vào các kiến thức và kỹ thuật đồ họa vi tính, các loại chất liệu in ấn thành phẩm.

Thiết kế tranh cổ động và tuyên truyền: 2 tín chỉ

Nội dung: Giới thiệu tầm quan trọng của nghệ thuật tranh cổ động, tuyên truyền một phần quan trọng của truyền thông xã hội hiện đại ngày nay. Sự vận dụng các công nghệ kỹ thuật số kết hợp chất liệu nghệ thuật tạo hình trong thời đại truyền thông đa phương tiện. Sự liên kết thông điệp trong tác phẩm cổ động đối với các mặt cuộc sống xã hội hiện đại, giúp vận hành sự phát triển tư duy ý thức cộng đồng cao hơn.

Thực tập tốt nghiệp: 5 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên đi thực tập tại một công ty cụ thể, có các hoạt động sản xuất đa dạng phục các lợi ích khác nhau của xã hội. Trong thời gian thực tập, sinh viên thu thập các tài liệu – tư liệu dưới dạng: hình ảnh, ký họa, ghi chép, sưu tầm tư liệu, các đoạn video clip, âm thanh... Tất cả các tài liệu trên đều phải liên quan và có giá trị sử dụng cho đề cương tốt nghiệp và làm nền tảng cơ sở cho đồ án tốt nghiệp

Đồ án tốt nghiệp: 8 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên dựa trên đề cương TN– Thiết kế hệ thống đồ họa cho một công ty hay thiết kế sản phẩm. Qua đó sinh viên thiết lập ý tưởng cho từng hạng mục thiết kế, theo đúng quy trình, đạt yêu cầu về thẩm mỹ đồ họa và có giá trị ứng dụng cao. Sinh viên hoàn thành mẫu sản phẩm của các hạng mục thiết kế, quy hoạch gian trưng bày đồ án.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Hoa sen TpHCM	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Văn Lang TpHCM	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	150	146	129	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				
- Học phần đại cương	33	30	33	Hệ thống khối kiến thức giáo dục đại cương của 3 trường, gần như tương đồng giữa các môn học, có sự chênh lệch tín chỉ của các môn học với tỉ lệ nhỏ
- Học phần cơ sở ngành	29	21	26	Kiến thức cơ sở ngành tổng quan so sánh giữa 3 trường có sự tương đồng giữa các môn chính. Nhưng có sự khác biệt trong phân chia nhỏ của các môn theo mục tiêu và triết lý giáo dục của mỗi trường
- Học phần chuyên ngành	75	84	62	Tổng quan kiến thức chuyên ngành so sánh giữa 3 trường theo 3 hạng mục: 1. Tín học 2. Kỹ thuật

					3. Môn chuyên ngành Hầu như đều tương đồng giữa các môn chính. Sự khác biệt lớn nhất của 3 trường chính là cách vận hành thời lượng thực hành đồ án ứng dụng các môn học, theo mục tiêu cụ thể mà mỗi chương trình đào tạo đề ra.
- Học phần tốt nghiệp	13	11	8		Đồ án tốt nghiệp yêu cầu thời lượng tương đương
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	Không				
Phương pháp giảng dạy/học tập	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập. - Sinh viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập. - Sinh viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập. - Sinh viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và		

	Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	
Học phí	Không đối sánh			Theo chính sách học phí của từng trường
Các đối sánh khác (nếu có)	Không			

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Graphic Design ĐH Raffle (Malaysia)	CTĐT của ngành Graphic Design Trường ĐH LCI Melbourne (Australia)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	150			
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				
- Học phần đại cương	33			
- Học phần cơ sở ngành	29			
- Học phần chuyên ngành	75			
- Học phần tốt nghiệp	13			
Các chuyên ngành hẹp	Không			

của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/học tập	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập. - Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập. - Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập. - Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	
Học phí		Không đối sánh		Theo chính sách học phí của từng trường
Các đối sánh khác (nếu có)		Không		

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành ban hành kèm theo Quyết định số 859/QĐ-NTT ngày 26/7/2021 của Hiệu trưởng Nhà trường.

Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập.

Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần.

Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Lý thuyết: Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình, tiểu luận, thi giữa kì, thi cuối kì.

Thực hành: Nghiên cứu, khảo sát trực tiếp thị trường, tại công ty, cơ sở sản xuất, phòng trưng bày sản phẩm; Thiết kế trên máy tính; Thể hiện mô hình các mẫu thiết kế sản phẩm, viết báo cáo tiểu luận; Trưng bày thiết kế và thuyết trình ý tưởng trước hội đồng.

Đồ án tốt nghiệp: Bảo vệ đồ án tốt nghiệp cử nhân Thiết kế đồ họa.

3. Mô tả thêm các hướng dẫn khác do các đơn vị đào tạo, ngành đào tạo yêu cầu

Hình thức phản biện đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp, bảo vệ trước hội đồng khoa học.

Hướng dẫn thực tập trực tiếp tại phòng vi tính, thực hiện các công tác thực tập, nghiên cứu, khảo sát tại công ty, nhà sản xuất.

HIỆU TRƯỞNG *th*

(Ký tên và đóng dấu) *th*



TS. Trần Ái Cẩm

P. TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Thủy

TVC.ThS. Trần Thị Thanh Thủy